TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 17/4/2019
V/v tranh chấp nợ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Minh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Xuân An
2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2018/TLST - DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "*Tranh chấp nợ*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thanh Th**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số X, TDP X, phường T, thị xã H, tỉnh T. Có mặt
- Bị đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số X đường Đ, phường T, thị xã H, tỉnh T. Có mặt
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Anh Hùng** (chồng bà Th), sinh năm 1974; Địa chỉ: Số X, TDP X, phường T, thị xã H, tỉnh T. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2018 và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Lê Thị Thanh Th trình bày thấy rằng:

Do có mối quan hệ quen biết với bà Lê Thị Thanh Th nên vào khoảng từ tháng 02 năm 2013 bà L có đặt vấn đề để mượn tiền của bà Th, sau nhiều lần mượn, cộng dồn thành số tiền 445.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2015 bà L có viết lại giấy vay tiền và hẹn sang năm 2016 sẽ hoàn trả tiền gốc và tiền lãi sẽ tính sau. Đến ngày 27/10/2018 bà L có viết giấy hứa hẹn trả số tiền trên đầy đủ khi nào có tiền vì hiện nay bà rất khó khăn.

Bà Th yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị L và ông Bùi Minh C phải trả đủ cho bà số tiền 695.000.000 đồng; trong đó: Tiền gốc 445.000.000 đồng, tiền lãi 250.000.000 đồng và trả một lần.

Trong quá trình tố tụng, bà Th đã tính lại số tiền lãi, chỉ yêu cầu bà L phải trả nợ số tiền lãi là 144.625.000 đồng, số tiền gốc giữ nguyên là 445.000.000 đồng; Tổng cộng là 589.625.000 đồng và yêu cầu trả một lần. Như vậy nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với số tiền lãi là 105.375.000đ (250.000.000đ-144.625.000đ)

- Tại biên bản tự khai, biên bản hòa và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị L trình bày: Thừa nhận còn nợ của bà Lê Thị Thanh Th số tiền gốc 445.000.000 đồng và chấp nhận số tiền lãi là 144.625.000 đồng. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà L không thể trả cho bà Th một lần số tiền này, bà L xin được trả cho bà Th mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết khoản tiền nợ nói trên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Anh H (chồng bà Th) trong quá trình tham gia tố tụng đều thống nhất ý kiến với bà Th.

- Tại đơn không yêu cầu tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngày 11/3/2019 của ông Bùi Minh C (chồng bà L) trình bày: Việc vay mượn tiền giữa bà Th và bà L thì ông C hoàn toàn không biết, chỉ biết khi bà Th có đơn khởi kiện đến Tòa án. Ông C cho rằng đây là việc vay mượn riêng giữa bà Th và bà L nên yêu cầu không đưa ông vào với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đề nghị Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa các bên đương sự giữ nguyên ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Trần Thị L cư trú tại địa bàn thị xã Hương Trà nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, theo Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét về tư cách tham gia tố tụng của ông C:

Tại phiên hòa giải ngày 11/3/2019, bà Th, bà L và ông H đều thống nhất ý kiến với ông C, xác định đây là khoản nợ riêng giữa bà L và bà Th, không yêu cầu Toà án đưa ông C vào tham gia tố tụng. Xét yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận.

[2] Về nội dung

- Đối với số tiền tranh chấp: Xét việc vay mượn tiền giữa bà L và bà Th là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, cả bà Th và bà L đều xác nhận đúng số tiền nợ gốc là 445.000.000 đồng, tiền lãi là 144.625.000 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi là 589.625.000 đồng. Vì vậy bà Th yêu cầu bà L phải trả hết số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

- Xét việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 105.375.000đ là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần chấp nhận.

- Về phương thức thanh toán: Bà L trình bày do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin được trả góp mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nói

trên. Bà Th không chấp nhận và yêu cầu bà L phải trả hết một lần số tiền trên. Do các đương sự không thỏa thuận được phương thức trả nợ nên chấp nhận yêu cầu của bà Th, buộc bà L phải trả nợ một lần số tiền trên.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

20.000.000đ + (589.625.000đ – 400.000.000đ)x 4% = 27.585.000 đồng

Bà Lê Thị Thanh Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh Th.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 105.375.000 đồng.

- Buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Lê Thị Thanh Th, ông Nguyễn Anh Hùng số tiền 589.625.000 đồng (Năm trăm tám mươi chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2. Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 27.585.000 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị Thanh Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Th số tiền 15.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (BL số 9883 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế)

3. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *TAND tỉnh TT- Huế ;*
- *VKSND TX Hương Trà;*
- *Chi cục THA dân sự TX Hương Trà;*
- *Lưu HS; lưu án văn.*

VŨ VĂN MINH